

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI HANOI MARITIME HOLDING COMPANY (MARINA HANOI) Năm báo cáo: 2011

I. Lịch sử hoạt động của Công ty:

1. Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập:

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội (Marina Hanoi) được thành lập theo giấy phép số 056428 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp số 0100793715) ngày 19/11/1998, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1998 và đã đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 01/08/2011. Ngày 01/01/1999, Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội chính thức đi vào hoạt động.

+ Niêm yết: Ngày 21/3/2005 - Phiên giao dịch thứ 1000, cổ phiếu Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội chính thức được giao dịch tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán T/P Hồ Chí Minh.



Loại chứng khoán: Phổ thông

Mã chứng khoán: MHC

Mệnh giá: 10.000 đồng/CP

Số lượng chứng khoán niêm yết hiện nay: 13.555.514 CP

+ Các sự kiện khác:

Năm 1999: Marina Hanoi chính thức đi vào hoạt động, đã huy động vốn cổ đông cùng Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đầu tư xây dựng và khai thác Tòa nhà “Trung tâm Thông tin Thương mại Hàng hải Quốc tế Hà Nội” - Ocean Park Building; góp 50% vốn cùng Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đầu tư tàu container Phong Châu sức chở 1100 TEUS; tham gia góp vốn (15% vốn điều lệ) với Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao (Transvina); đầu tư đội xe chuyên dụng vận chuyển container; đầu tư tàu lai, xà lan cầu nổi phục vụ bốc xếp, chuyển tải tại khu vực phía Bắc.

Năm 2000: Lĩnh vực vận tải đa phương thức của Marina Hanoi đã phát triển ổn định, thị phần, doanh thu và số lượng khách hàng đều tăng. Các chi nhánh tại T/P Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hải Phòng đều hoạt động hiệu quả.

Năm 2001: Đầu tư xây dựng bến tạm số 02 Dung Quất (Quảng Ngãi) để tham gia thực hiện việc thi công phần dưới nước đê chắn sóng Dung Quất. **Văn phòng đại diện giao dịch của Marina Hanoi tại Quảng Ngãi** được thành lập nhằm triển khai và thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Năm 2002: Đầu tư mua tàu Ocean Park (tàu chuyên chở container với sức chở 450 TEU) và bước đầu triển khai hoạt động kinh doanh vận tải bằng tàu container. Vào tháng 11 năm 2002, **Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội** được thành lập với mục đích tập trung chuyên môn hóa trong quản lý khai thác Tòa nhà Ocean Park.

Năm 2003: Đầu tư mua 700 container 20 feet và 150 container 40 feet để tăng cường và phát triển dịch vụ vận chuyển container.

Năm 2004: Đầu tư thêm một số tài sản phương tiện sản xuất và vận tải. Công ty đã thuê mua thêm 50 container 40 feet và mua một xe nâng container Kalma mới.

Năm 2005: Thành lập **Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải đa phương thức** với mục đích phát triển dịch vụ kinh doanh, đa dạng các loại hình vận tải bao gồm đường bộ, đường biển và đường hàng không. Mở rộng mạng lưới đại lý ra nước ngoài nhằm phục vụ các tuyến vận tải container quốc tế. Ngày 21/3/2005 - Phiên giao dịch thứ 1000, cổ phiếu Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội (Mã chứng khoán: MHC) chính thức được giao dịch tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán T/P Hồ Chí Minh.

Năm 2006: Tháng 1 - 2006 khởi công xây dựng bến container Đông Hải (Hải Phòng); cho thuê định hạn tàu Noble River khai thác tuyến nội địa; thành lập chi nhánh Quảng Ngãi để tái khởi động việc thi công đê chắn sóng Dung Quất; đầu tư mua một số thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh; mua thêm 300 container 20 feet; đầu tư mua đầu kéo nâng tổng số đầu kéo của Marina Hanoi lên 38 chiếc.

Năm 2007: Hoàn thành thủ tục góp vốn vào Tòa nhà Ocean Park với tỉ lệ 19,76% - ký kết hợp đồng với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc Hợp tác khai

thác Tòa nhà “Trung tâm Thông tin Thương mại Hàng hải Quốc tế Hà Nội” - Ocean Park Building; mua 01 tàu lai công suất 1200CV; mua 01 xe nâng container; mua 01 xà lan sức chở 24 teus phục vụ vận chuyển khu vực đồng bằng sông Cửu Long; mua tàu Ocean Asia chuyên chở container sức chở 950 TEU; nhận giấy phép của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép tăng vốn từ 93 tỷ lên 140 tỷ.

Năm 2008: Mua tàu Achiever chuyên chở container sức chở 950 TEU; hoàn thành thủ tục chuyển đổi các chi nhánh của Công ty tại các khu vực Quảng Ninh, Hải Phòng, T/P Hồ Chí Minh, Cần Thơ thành các công ty TNHH một thành viên, nâng tổng số các công ty thành viên lên thành 04 công ty.

Năm 2009: Hoàn thành việc chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty (19,7%) tại Tòa nhà Ocean Park cho Tổng công ty Hàng hải Việt Nam với tổng trị giá chuyển nhượng là 4,65 triệu USD, tương đương 82,7 tỷ đồng; góp vốn thành lập Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An (tháng 5/2009) với tỷ lệ vốn góp là 55% tương đương 82,5 tỷ đồng, đến tháng 9/2009 do khó khăn về mặt tài chính nên HĐQT Công ty đã họp và quyết nghị giảm tỷ lệ góp vốn xuống 31%; hoàn thành thủ tục phát hành cổ phiếu thường tăng vốn điều lệ từ 117.880.870.000 đồng lên 135.555.140.000 đồng.

Tuy nhiên, năm 2009 là một năm Công ty tiếp tục phải đối diện với những khó khăn khách quan về thị trường cho thuê tàu, thị trường vận tải nội địa nên Công ty đã không hoàn thành được kế hoạch SXKD đề ra và là năm đầu tiên Công ty có kết quả kinh doanh lỗ.

Năm 2010: Thực hiện thanh lý và chuyển nhượng toàn bộ đội tàu container của Công ty. Dự án đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An để xây cảng (với tỷ lệ vốn góp là 31% tương đương 58.125.000.000 VNĐ), ngày 12/12/2010 hoàn thành giai đoạn 1, Cảng Hải An bắt đầu vào hoạt động; tiến hành chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao (Transvina) với giá 1,160 triệu USD; Tìm kiếm các đối tác và làm việc với cơ quan quản lý Tỉnh Quảng Ngãi để thu hồi vốn đầu tư của Công ty trên Bến số 2 - Cảng tổng hợp Dung Quất. Tái cơ cấu sở hữu Công ty Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức từ Công ty TNHH một thành viên sang hình thức Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Do tình hình thị trường chứng khoán nói chung trong năm 2010 suy giảm cùng với hoạt động của Công ty nói riêng không hiệu quả nên giá cổ phiếu MHC giảm thấp dẫn đến việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược không thực hiện được.

Năm 2011:

Cảng Hải An hoạt động năm đầu tiên bắt đầu có lãi.

Hợp nhất chức danh chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc.

Ký hợp đồng thu hồi chi phí đầu tư dự án Bến số 2- Cảng tổng hợp Dung Quất cho Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất với giá trị cả thuế VAT là 56,7 tỷ đồng.

Tiến hành tái cấu trúc Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà nội (HPM) cả về Tài sản và sở hữu. Chuyển Tòa nhà từ Công ty HPM về Công ty mẹ trực tiếp sở hữu và khai thác. Chuyển mô hình Cty TNHH MTV thành Công ty cổ phần trong đó Marina giữ 40% sở hữu.

Thực hiện thanh lý toàn bộ vỏ container và tất toán hợp đồng thuê mua tài chính vỏ container với Seacube; thanh lý toàn bộ dội tàu lai.

Do kết quả kinh doanh lỗ 2 năm liên tiếp, ngày 07/04/2011, cổ phiếu của Marina Hanoi (MHC) bị tạm dừng giao dịch. Tuy nhiên, đến ngày 22/04/2011, cổ phiếu MHC được đưa ra khỏi diện tạm dừng giao dịch và được giao dịch trở lại theo diện chứng khoán bị kiểm soát sau khi có giải trình của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011: Theo các số liệu thống kê dưới đây.

2. Quá trình phát triển:

+ Ngành nghề kinh doanh:

Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị; Vận tải đường thủy, đường bộ; Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa; Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Lai dắt tàu biển; Bốc xếp hàng hóa và container; Xây dựng công trình giao thông; Đại lý hàng hải; Khai thác cảng và kinh doanh bến container; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Khai thuê hải quan.

+ Tình hình hoạt động:

Kể từ khi thành lập năm 1999 đến năm 2008, Marina Hanoi đã luôn giữ vững được sự tăng trưởng và ổn định. Trên cơ sở đó đã lập hồ sơ gia nhập thị trường chứng khoán và trở thành một Công ty đại chúng năm 2005, vốn cổ đông của Công ty từ 67,5 tỷ (khi thành lập) tăng lên trên 135 tỷ vào năm 2009 từ lợi nhuận tích lũy hoạt động sản xuất kinh doanh và từ phát hành vốn trên thị trường chứng khoán. Trên thị trường vận tải, Công ty cũng đã tạo dựng cho mình trở thành một Công ty có uy tín và chất lượng về dịch vụ, có thương hiệu trong ngành Hàng hải. Trên cơ sở đó, với chiến lược trung và dài hạn: Phát triển theo định hướng kinh doanh vận tải biển, Công ty đã đầu tư mua thêm 02 tàu để đảm bảo kinh doanh chủ động và hiệu quả hơn. Tuy nhiên, do khủng hoảng kinh tế hoạt động kinh doanh tàu không hiệu quả dẫn đến lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Giai đoạn năm 2009 và năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty lỗ 32,6 tỷ đồng (năm 2009) và lỗ 43,6 tỷ đồng (năm 2010), Công ty bị mất cân đối nghiêm trọng về tài chính. Trước tình hình đó, Công ty buộc phải thu hẹp quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời tiến hành thanh lý và chuyển nhượng tài sản nhằm cân đối lại tài chính.

Mặc dù trong bối cảnh khó khăn nhưng công ty vẫn tập trung đầu tư phát triển cho dự án cảng Hải An. Đến năm 2011, dự án Cảng Hải An đã kinh doanh có lãi sau 10 tháng hoạt động và đã đóng góp một phần vào kết quả kinh doanh của Công ty. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 của công ty đã cân bằng thu chi (lãi 108 triệu) sau hai năm lỗ liên tiếp. Để đạt được kết quả lợi nhuận này, lãnh đạo và cán bộ trong Công ty đã phải nỗ lực rất lớn, từ hoạch định lại chiến lược kinh doanh đến việc cắt giảm tối đa chi phí hoạt động.

3. Định hướng phát triển:

+ Định hướng chiến lược của Công ty: “Tổ chức lại doanh nghiệp theo mô hình Công ty kinh doanh và đầu tư tài chính”.

+ Mục tiêu ngắn hạn (năm 2012-2013): Bảo toàn vốn cổ đông, cân đối tài chính doanh nghiệp; tiết kiệm chi phí để tích lũy nhằm chuẩn bị phát triển các hoạt động kinh doanh mới khi đủ điều kiện.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm 2011 và so với kế hoạch):

- Doanh thu: 148,2 tỷ đồng (Đạt 92,6 % so với kế hoạch)
- Lợi nhuận sau thuế: 108 triệu đồng (Đạt 1,08 % so với kế hoạch)

2. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 đã bầu mới và bầu lại Hội đồng quản trị mới với 06 thành viên, phân công các chức danh, nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT. Trong đó, Chủ tịch HĐQT sẽ kiêm Tổng giám đốc Công ty.

Hoàn thành ký hợp đồng thu hồi giá trị đầu tư dự án Bến số 2 Dung Quất với Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất với giá trị cả thuế VAT là 56,7 tỷ đồng; hoàn thành cổ phần hóa Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà nội với tỷ lệ sở hữu còn lại của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà nội là 40%; thanh lý toàn bộ vỏ container và tất toán toàn bộ hợp đồng thuê mua tài chính vỏ container với Seacube; thanh lý toàn bộ đội tàu lai.

Cổ phiếu MHC giao dịch theo diện chứng khoán bị kiểm soát từ ngày 22/04/2011 do kết quả kinh doanh lỗ 2 năm liên tiếp.

3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...)

- Tổ chức lại doanh nghiệp theo mô hình Công ty kinh doanh và đầu tư tài chính. Tái cấu trúc các Công ty thành viên.

- Sau khi tất toán các khoản vay tín dụng tài trợ kinh doanh đội tàu, tòa nhà Hải An, Công ty tiếp tục đầu tư sang các hoạt động có khả năng sinh lời cao như kho bãi, cảng... trên cơ sở vốn thu hồi từ các dự án đầu tư trước đây.

III. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc:

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

	Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011
I	Tài sản ngắn hạn	124.976.494.025	103.601.700.801

1	Tiền và các khoản tương đương tiền	12.567.326.902	25.453.281.573
2	Các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.106.132.600	504.364.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	94.440.525.492	68.415.810.338
4	Hàng tồn kho	154.042.591	255.945.756
5	Tài sản ngắn hạn khác	10.708.466.440	8.972.299.134
II	Tài sản dài hạn	133.620.077.238	145.389.512.471
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	62.363.268.363	52.175.442.372
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	69.479.841.925	91.718.671.867
5	Tài sản dài hạn khác	1.776.966.950	1.495.398.232
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		258.596.571.263	248.991.213.272
III	NỢ PHẢI TRẢ	160.307.740.897	143.796.600.761
1	Nợ ngắn hạn	103.352.858.679	128.185.885.520
2	Nợ dài hạn	56.954.882.218	15.610.715.241
IV	Vốn chủ sở hữu	95.883.146.018	97.119.225.935
1	Vốn chủ sở hữu	95.883.146.018	97.119.225.935
IV	Lợi ích của cổ đông thiểu số	2.405.684.348	8.075.386.576
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		258.596.571.263	248.991.213.272

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011
1	Khả năng sinh lời		
	- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	0,09%
	- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản (ROA)	%	0,04%
	- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu (ROA)	%	0,11%
2	Khả năng thanh toán		
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,2
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,73

3	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản ngắn hạn trên Tổng Tài sản	%	41,61%	
	- Tài sản dài hạn trên Tổng Tài sản	%	58,39%	
4	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả trên Tổng Nguồn vốn	%	57,75%	
	- Vốn Chủ sở hữu trên Tổng Nguồn vốn	%	39,01%	

- Giá trị sổ sách vốn CHS tại thời điểm 31/12/2011 là: **97.119.225.935 VNĐ**
- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: Năm 2011 số lượng cổ phiếu của Công ty không thay đổi và vẫn là 13.555.514 CP.

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): Toàn bộ số cổ phiếu của Công ty (13.555.514 CP) là cổ phiếu thường.

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Không

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 13.555.394 CP

- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có): 120 CP

- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: Không

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: 1.000 đ

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	(%) Hoàn thành
I	<u>Doanh thu hoạt động</u>			
	SXKD, tài chính, thu khác:	160.000.000	148.200.000	92,63%
	- Doanh thu vận tải nội địa	61.000.000	12.700.000	20,82%
	- Đại lý tàu	26.000.000	20.900.000	80,38%
	- Doanh thu vận tải bộ	24.000.000	39.000.000	162,5%
	- Doanh thu vận tải sông	22.000.000	19.900.000	90,45%
	- Doanh thu lai dắt	18.000.000	16.900.000	93,89%
	- Dịch vụ quản lý tòa nhà	9.000.000	10.600.000	117,78%

	- Thu khác		28.200.000	
II	Tổng Lợi nhuận sau thuế	10.000.000	108.000	1,08%

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

Năm 2011 vẫn là năm rất khó khăn trong hoạt động kinh doanh của Marina Hanoi. Tuy nhiên, trong năm qua Công ty cũng đã cố gắng và có những tiến bộ nhất định. Đó là:

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Cơ cấu lại nhân sự, thu hẹp văn phòng Hà nội, cắt giảm chi phí nhưng vẫn đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Các biện pháp kiểm soát:

Tổng giám đốc đã ban hành các quy định về cung cấp các báo cáo, thông tin từ các công ty thành viên lên công ty mẹ và ý kiến phản hồi ngược lại theo định kỳ (tháng, quý, năm) và báo cáo, thông tin bất thường. Từ đó, Công ty mẹ đã kiểm soát được các công ty thành viên cũng như phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh nhằm mang lại kết quả kinh doanh cho từng doanh nghiệp thành viên cũng như toàn Công ty.

Công ty Marina Hanoi thực hiện nghiêm túc các quy chế quản lý tài chính, lao động, hướng dẫn các công ty thành viên thực hiện đúng các quy định của Công ty và của Nhà nước.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012:

Theo dự báo, tình hình kinh tế xã hội năm 2012 vẫn tiếp tục nhiều khó khăn, chủ trương của chính phủ tiếp tục chính sách thắt chặt tín dụng, kiềm chế lạm phát, vì vậy, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 cụ thể như sau:

4.1. Từng bước tổ chức lại doanh nghiệp theo mô hình Công ty kinh doanh và đầu tư tài chính. Tái cấu trúc các Công ty thành viên.

4.2. Tập trung thu hồi tiền từ dự án Bến số 2 Dung Quất và hoàn thành quyết toán với Công ty Lũng Lô để trả nợ vay Ngân hàng.

4.3. Sau khi tất toán các khoản vay tín dụng tài trợ kinh doanh đội tàu, tòa nhà Hải An, Công ty tiếp tục đầu tư sang các hoạt động có khả năng sinh lời cao như kho bãi, cảng... trên cơ sở vốn thu hồi từ các dự án đầu tư trước đây

Dự kiến một số chỉ tiêu cơ bản năm 2012 như sau:

- Doanh thu: Đơn vị tính: 1.000 đ

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2012
	<u>Doanh thu và các thu nhập khác , trong đó:</u>	
1	- Doanh thu hoạt động kinh doanh dịch vụ	89.000.000
2	- Doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác	57.000.000

- Tổng doanh thu và các thu nhập khác : **146 tỷ đồng**

- Tổng lợi nhuận: **28 tỷ đồng**

IV. Báo cáo tài chính: Theo Phụ lục số 01 đính kèm báo cáo

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY

Địa chỉ: Tầng 6, 136 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 3.755 74 46 Fax: 3.755 74 48

- Ý kiến kiểm toán độc lập và các nhận xét đặc biệt. (Theo Phụ lục số 01 đính kèm)

2. Kiểm toán nội bộ: Không

VI. Các công ty có liên quan:

1. Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải phòng (Marina Haiphong). Marina Hanoi nắm 100% vốn.

Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng: Giấy chứng nhận ĐKKD số 0204001392 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 28/7/2008; ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý, ký gửi hàng hóa; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải ven biển và viễn dương; vận tải đường thủy nội địa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; bốc xếp hàng hóa; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác. Năm 2011, Công ty Marina Haiphong đạt kết quả doanh thu 46 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 662 triệu đồng. Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2011: 13,19 tỷ đồng.

Tháng 11-2011, toàn bộ đội tàu lai của Marina Hải Phòng đã được thanh lý.

2. Công ty TNHH MTV Hàng hải Hà Nội phía Nam (SHMC). Marina Hanoi nắm 100% vốn.

Công ty TNHH MTV Hàng hải Hà Nội phía Nam: Giấy chứng nhận ĐKKD số 4104006041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư T/P Hồ Chí Minh cấp ngày 08/9/2008; ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý bán hàng hưởng hoa hồng; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; bốc xếp hàng hóa; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; khai thuê hải quan; dịch vụ giao nhận hàng hóa; lai dắt tàu biển. Năm 2011, Công ty SHMC đạt kết quả doanh thu 45,2 tỷ đồng, lỗ: 1,6 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2011: 9,37 tỷ đồng.

3. Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức (Marina Logistic). Marina Hanoi nắm 40% vốn.

Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức: Giấy chứng nhận ĐKKD số 0104000179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 24/02/2005; ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải đường thủy, đường bộ; vận tải đa phương thức quốc tế; đại lý, môi giới tàu biển và hàng hóa; bốc xếp hàng hóa và container. Năm 2011, Công ty Marina Logistic đạt kết quả doanh thu 25,2 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 1,88 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2011: 15,31 tỷ đồng.

Tháng 01 năm 2011, Công ty đã hoàn thành chuyển nhượng 60% vốn của Marina Logistic để giúp giải quyết nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ

cũng như trang trải công nợ. Hiện Công ty mẹ chi năm giữ 40% vốn tại Marina Logistic. Tuy nhiên, các nhà đầu tư khác thỏa thuận dành cho Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội hơn 50% quyền biểu quyết và kiểm soát nên có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Marina Logistic.

4. Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội (HPM). Marina Hanoi nắm 40% vốn (từ 01/12/2011).

Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh bất động sản Hà Nội: Giấy chứng nhận ĐKKD số 0104000071 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 12/11/2002; ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ cho thuê văn phòng; kinh doanh siêu thị, nhà hàng; xúc tiến thương mại; tổ chức hội chợ triển lãm; đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; kinh doanh quản lý bất động sản. Năm 2011, Công ty HPM đạt kết quả doanh thu 11,1 tỷ đồng, lợi 1,4 tỷ đồng.

Ngày 01/12/2011, Marina Hanoi cùng Công ty Cổ phần Đầu tư An Thịnh (ATFC) và Ông Vũ Tiến Sơn đã tiến hành ký kết thỏa thuận thống nhất về việc Marina Hanoi chuyển nhượng 60% tỷ lệ sở hữu và quyền kiểm soát tại HPM cho ATFC và Ông Vũ Tiến Sơn. Theo đó, từ ngày 01/12/2011, HPM trở thành Công ty liên kết với tỷ lệ sở hữu và quyền kiểm soát của Marina Hanoi là 40%.

5. Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An. Marina Hanoi nắm 31% vốn.

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (Haiants): Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102038916 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 08/05/2009; ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; kho bãi và lưu trữ hàng hóa; bốc xếp hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; vận tải hành khách đường bộ; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách và hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hành khách và hàng hóa đường thủy nội địa... Năm 2011, Công ty Haiants đạt kết quả doanh thu 124,6 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 18,9 tỷ đồng. Kết quả khả quan của Haiants sẽ mang lại những khoản thu không nhỏ cho Marina Hanoi trong năm 2012 và tương lai.

6. Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam. Marina Hanoi nắm 51% vốn.

Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam (Wallem): Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000487 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/01/2010. Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải; dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa và hành khách bằng đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa; dịch vụ tư vấn quản lý; dịch vụ hỗ trợ khác... Năm 2011, Công ty Wallem đạt kết quả doanh thu 2,1 tỷ đồng, lỗ 32 triệu đồng.

VII. Tổ chức và nhân sự

* Cơ cấu tổ chức của công ty: Theo sơ đồ tổ chức Công ty tại Phụ lục số 02 đính kèm báo cáo

* Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

1. Tổng Giám đốc: Nguyễn Quốc Dũng Nam/ Nữ: **Nam** Bí danh: **Không**

Ngày tháng năm sinh: 27/01/1964

Nơi sinh: **Hải Phòng**

Số CMND (hoặc hộ chiếu, các tài liệu chứng thực khác): **012774098**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **P7, Nhà N18, TT K86, Liễu Giai, Phường Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội**

Chỗ ở hiện tại: **P7, Nhà N18, TT K86, Liễu Giai, Phường Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội.**

Địa chỉ liên lạc (thường xuyên): **P7, Nhà N18, TT K86, Liễu Giai, Phường Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội**

Điện thoại, fax, Email: **3.5770816 - 0903456007**

Trình độ văn hóa: **10/10**

Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư vô tuyến điện**

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

- 1981 - 1987: Đại học Hàng hải - Hải Phòng chuyên ngành: Vô tuyến điện Hàng hải

Quá trình công tác:

- 1992 - 1997: Phó phòng Kế toán Công ty CP Gemadept
- 1997 - 1998: Chuyên viên Công ty Vimadeco - CN Hà Nội

- 1998 - 2002: Kế toán trưởng Công ty Transvina
- 2002 - 2006: Phó Giám đốc Công ty CP Hàng hải Hà Nội
- 2007 - 2008: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Hàng hải Hà Nội
- 2008 - tháng 06/2011 : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hàng hải Hà Nội
- Tháng 06/ 2011 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Hàng hải Hà Nội

* Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm: Ngày 10/06/2011, Ông Nguyễn Quốc Dũng được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc thay Ông Nguyễn Quang Phúc.

* Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc: Tiền lương, thưởng và các quyền lợi khác của Ban Tổng Giám đốc: Được hưởng theo quy chế lương, thưởng của Công ty.

* Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động: Tổng số cán bộ, nhân viên toàn Công ty tính đến ngày 31/12/2011 là 181 lao động. Toàn bộ cán bộ nhân viên của Công ty đều được hưởng các chế độ lương, thưởng, các chế độ phúc lợi xã hội và các chế độ khác theo quy định của Nhà nước và của Công ty.

* Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/Chủ tịch, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng trong năm:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 tổ chức vào ngày 09/06/2011 đã miễn nhiệm thành viên HĐQT là Ông Nguyễn Hồng Minh, bổ nhiệm thêm 02 thành viên HĐQT mới là Ông Chu Nguyên Bình và Ông Bùi Đình Quý, nâng tổng số thành viên HĐQT lên 06 thành viên và Ban Kiểm soát (03 thành viên).

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát:

* **Hội đồng quản trị:** 06 thành viên:

1. Nguyễn Quốc Dũng - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

2. Nguyễn Quang Phúc - Phó chủ tịch HĐQT
3. Vũ Thanh Hải - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức
4. Trần Khắc Nguyên - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Hàng hải Hà Nội phía Nam.
5. Ông Chu Nguyên Bình - Thành viên HĐQT.
6. Ông Bùi Đình Quý - Thành viên HĐQT.

* **Ban kiểm soát:** 03 thành viên (03 thành viên độc lập)

1. Nguyễn Trung Dũng - Trưởng ban
2. Đỗ Thành Đĩnh - Thành viên
3. Trần Thị Hải Yến - Thành viên

- Hoạt động của HĐQT: Trong năm 2011 HĐQT tiến hành 08 phiên họp định kỳ và bất thường (phiên thứ 4 đến phiên 11). Các phiên họp định kỳ theo quý để soát xét tình hình hoạt động SXKD của quý và đưa ra các kế hoạch cho thời gian tiếp theo. Ngoài ra, tùy vào tình hình cụ thể tại từng thời điểm, HĐQT tiến hành các cuộc họp bất thường để quyết nghị các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT để Ban điều hành triển khai. Tất cả các cuộc họp của HĐQT đều được Thư ký Công ty ghi chép đầy đủ và lưu trữ.

- Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên: Ngay sau Đại hội cổ đông thường niên 2011, Ban kiểm soát đã họp triển khai công việc, phân công nhiệm vụ cho mỗi thành viên của Ban và thực hiện cụ thể như sau:

Bám sát hoạt động SXKD của Công ty, của các công ty con và phân công thực hiện kiểm soát theo đúng Điều lệ và đã có những kiến nghị bằng văn bản sau kiểm tra gửi HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia một số buổi làm việc của ban lãnh đạo Công ty về thực hiện kế hoạch SXKD.

Giám sát thực hiện các quy chế nội bộ, quy chế tài chính và việc thực hiện chính sách đối với người lao động.

Kiểm tra quy trình thu thập và kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông thông qua thư của Công ty tiến hành về một số vấn đề triệu tập Đại hội đồng cổ đông, phát hành cổ phiếu thường

Xem xét báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh do Ban TC-KT và Tổng Giám đốc chuẩn bị.

Lựa chọn tổ chức kiểm toán, phối hợp làm việc với tổ chức kiểm toán về báo cáo tài chính để cùng tìm hiểu và làm rõ các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán.

Theo dõi ý kiến cổ đông qua các kênh thông tin và Phòng Quan hệ cổ đông.

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

Hoàn thiện và ban hành các quy chế quản trị nội bộ như Quy chế Ban kiểm soát và Quy chế Ban Tổng Giám đốc.

- Thủ lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành

* **Hội đồng quản trị:** 184 triệu đồng, cụ thể:

1. Nguyễn Quốc Dũng - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: 39 triệu đồng

2. Nguyễn Quang Phúc - Phó Chủ tịch HĐQT: 39 triệu đồng

3. Vũ Thanh Hải - Thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải đa phương thức: 39 triệu đồng

4. Trần Khắc Nguyên - Thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Hàng hải Hà Nội phía Nam: 39 triệu đồng

5. Ông Chu Nguyên Bình - Thành viên HĐQT: 14 triệu đồng.

6. Ông Bùi Đình Quý - Thành viên HĐQT: 14 triệu đồng.

* **Ban kiểm soát:** 81 triệu đồng, cụ thể:

1. Nguyễn Trung Dũng - Trưởng ban: 27 triệu đồng
 2. Đỗ Thành Đĩnh - Thành viên: 27 triệu đồng
 3. Trần Thị Hải Yến - Thành viên: 27 triệu đồng
- Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: **01**
- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu MHC của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan. Tỷ lệ sở hữu cổ phần MHC và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:
1. Nguyễn Quốc Dũng - Chủ tịch HĐQT: Đầu kỳ sở hữu số lượng là 38.295 CP tương đương tỷ lệ sở hữu 0,28%. Trong năm thực hiện giao dịch mua 236.000 CP. Lý do giao dịch: Đầu tư. Cuối năm 2011 số lượng sở hữu là 274.295 CP, tương đương tỷ lệ sở hữu 2,02%
 2. Nguyễn Quang Phúc - Phó Chủ tịch HĐQT: Số lượng sở hữu 20.268 CP tương đương tỷ lệ sở hữu 0,15%. Không có thay đổi trong năm.
 3. Vũ Thanh Hải - Thành viên HĐQT: Số lượng sở hữu 232.875 CP tương đương tỷ lệ sở hữu 1,71%. Không có thay đổi trong năm.
 4. Trần Khắc Nguyên - Thành viên HĐQT: Số lượng sở hữu 22.597 CP tương đương tỷ lệ sở hữu 0,16%. Không có thay đổi trong năm.
 5. Ông Chu Nguyên Bình - Thành viên HĐQT: Số lượng sở hữu 200.000 CP tương đương tỷ lệ sở hữu 1,47%. Không có thay đổi trong năm.
 6. Ông Bùi Đình Quý - Thành viên HĐQT: Đầu kỳ sở hữu số lượng là 1.220.550 CP tương đương tỷ lệ sở hữu 9%. Trong năm, thực hiện giao dịch mua 520.450 CP. Lý do giao dịch: Nâng tỉ lệ nắm giữ. Cuối năm 2011 số lượng sở hữu là 1.741.000 CP, tương đương tỷ lệ sở hữu 12,84%

Những người có liên quan:

- Bà Vũ Thị Minh Nguyệt (Vợ Ông Nguyễn Quốc Dũng - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc): Sở hữu 19.793 CP. Không phát sinh giao dịch trong năm 2011.

- Ông Bùi Hữu Lộc (Con Ông Bùi Đình Quí - Thành viên HDQT): Đầu kỳ sở hữu số lượng là 646.800 CP. Trong năm, thực hiện giao dịch mua 22.600 CP. Cuối năm 2011 số lượng sở hữu là 669.400.

- Ông Bùi Hữu Phúc (Con Ông Bùi Đình Quí - Thành viên HDQT): Đầu kỳ sở hữu số lượng là 103.640 CP. Trong năm, thực hiện giao dịch mua 92.990 CP, bán 5000 CP. Cuối năm 2011 số lượng sở hữu là 191.630 CP.

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông góp vốn Nhà nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông Nhà nước:

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tầng 16, 17, 18 Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Số lượng cổ phần sở hữu: **698.625 CP**

Tỷ lệ cổ phần sở hữu: **5,15%**

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập: 12 thành viên (Tính đến tháng 5/2011):

1. Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

- Địa chỉ: Số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

- Ngành nghề hoạt động: Kinh doanh vận tải biển; khai thác cảng, sửa chữa tàu biển, đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải; XNK phương tiện, vật tư, thiết bị chuyên ngành hàng hải, cung ứng lao động hàng hải cho các tổ chức trong và ngoài nước; kinh doanh vận tải đường thuỷ, đường bộ; sản xuất, mua bán, cho thuê phương tiện và thiết bị vận tải, bốc xếp chuyên ngành; phá dỡ phương tiện vận tải, bốc xếp cũ;

xây dựng, lắp đặt trang thiết bị và hoàn thiện các công trình chuyên ngành; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; dịch vụ vui chơi, giải trí; đại lý giao nhận, bán buôn, bán lẻ hàng hoá, kinh doanh cửa hàng miễn thuế, cung ứng tàu biển; nhập khẩu nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ cho ngành; gia công chế biến hàng xuất khẩu; các hoạt động phụ trợ cho vận tải; kinh doanh kho ngoại quan, thông tin chuyên ngành; kinh doanh dịch vụ du lịch; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); vận tải đa phương thức; đại lý giao nhận, bán buôn, bán lẻ hàng hoá - chất đốt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ôtô; tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ theo hợp đồng; dịch vụ lai dắt tàu sông, tàu biển, các dịch vụ hỗ trợ hoạt động đường thuỷ; tổ chức dịch vụ đại lý vận tải, bốc xếp các loại hàng hoá siêu trường, siêu trọng, hàng hoá thông thường, thiết bị máy móc, container bằng các phương tiện đường thuỷ, đường bộ trong và ngoài nước; giao nhận, vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu từ các cửa khẩu về kho hàng; thay mặt chủ hàng hoàn thành thủ tục hải quan; dịch vụ đưa đón thuyền viên; dịch vụ cung ứng vật tư, nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt; san lấp mặt bằng, cơ sở hạ tầng; kinh doanh kho, bãi; Kinh doanh dịch vụ logistics; sửa chữa tàu biển; xuất khẩu lao động, đào tạo giáo dục định hướng và nghề nghiệp cho người đi làm việc ở nước ngoài; mua bán hàng hoá phục vụ người lao động đi xuất khẩu lao động bằng ngoại tệ hợp pháp; gia công, chế biến hàng xuất khẩu; kinh doanh nhập khẩu xăng dầu; Vận tải nhiên liệu; Tổ chức đại lý bán lẻ, cung ứng xăng dầu; kinh doanh xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng; kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; các hoạt động hỗ trợ cho vận tải: đường sắt, đường bộ, đường thuỷ, đường không, đường ống; dịch vụ đại lý bán vé máy bay; kinh doanh mua bán rượu, thuốc lá; kinh doanh bất động sản và hạ tầng giao thông.

- Số lượng cổ phần sở hữu: **698.625 CP**

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: **5,15%**

2. Công ty CP Vận tải biển Việt Nam

- Địa chỉ: Số 215 Trần Quốc Toản, Lạch Tray, Hải Phòng

- Ngành nghề hoạt động: Chủ tàu, quản lý và khai thác tàu container, tàu hàng rời và tàu dầu sản phẩm; vận tải đa phương thức; dịch vụ tài chính và bất động sản;

thuê tàu, đại lý; dịch vụ vận tải; đại lý giao nhận đường hàng không và đường biển; cung cấp thuyền viên cho các chủ tàu nước ngoài; cung cấp phụ tùng, vật tư hàng hải; mua bán tàu, liên doanh liên kết; đại lý bán vé máy bay.

- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 CP (Đã chuyển nhượng hết)

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 0%

3. Công ty CP Phát triển Hàng hải

- Địa chỉ: Số 11 Võ Thị Sáu, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

- Ngành nghề hoạt động: Kinh doanh kho, bến; dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển; kinh doanh vận tải đa phương thức; khai thác hoặc làm đại lý cho thuê văn phòng, phương tiện, thiết bị, container; môi giới và thực hiện các dự án đầu tư nước ngoài; đóng mới, sửa chữa tàu biển, các phương tiện vận tải phục vụ khai thác dầu khí, vỏ container; dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK và khai thuê hải quan, địa lý cung ứng xăng dầu nội địa; kinh doanh phương tiện, vật tư, thiết bị giao thông vận tải; xây dựng và kinh doanh nhà ở; vận tải xăng dầu bằng đường thủy.

- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 CP (Đã chuyển nhượng hết)

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 0 %

4. Công ty CP Container Phía Nam

- Địa chỉ: Số 11 Nguyễn Huệ, Quận 1, T/P Hồ Chí Minh

- Ngành nghề hoạt động: Kinh doanh khai thác kho bến, cảng thông quan nội địa và dịch vụ giao nhận hàng hóa; thuê, cho thuê cơ sở hạ tầng, phương tiện thiết bị chuyên dùng để bốc xếp, bảo quản và vận chuyển hàng hóa; kinh doanh văn phòng và các dịch vụ liên quan; tổ chức và thực hiện dịch vụ vận tải đa phương thức đối với container và các loại hàng hóa khác; Thực hiện các dịch vụ đại lý: container, tàu biển, liên hiệp vận chuyển, giao nhận hàng hóa, vận chuyển hàng hóa và hành khách hàng không, môi giới và cung ứng tàu biển; đóng mới và sửa chữa: container, các thiết bị, phương tiện bốc xếp, vận tải thủy bộ; Hoạt động chuyên doanh đưa người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; mua bán thiết bị, vật tư

ngành hàng hải, phương tiện vận tải - xếp dỡ; mua bán thiết bị máy móc, nguyên vật liệu, sản phẩm ngành in - ngành nhựa; mua bán sơn, sơn dầu, vecni; dịch vụ ủy thác XNK; dịch vụ khai thuê hải quan; Thuê và cho thuê tàu biển; kinh doanh bất động sản.

- Số lượng cổ phần sở hữu: **8.759 CP**

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: **0,06 %**

5. Công ty container Phía Bắc

- Địa chỉ: 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng

- Ngành nghề hoạt động:

- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 CP (Đã chuyển nhượng hết)

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 0 %

6. Công ty CP Vận tải biển và hợp tác lao động quốc tế

- Địa chỉ: Số 3, Lầu 5, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành, P. 12, Quận 4, T/P Hồ Chí Minh

- Ngành nghề hoạt động: Kinh doanh vận tải biển; dịch vụ hàng hải: đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển; cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải, quản lý tàu biển; tuyển, đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ để cung ứng lao động cho xuất khẩu; xuất khẩu lao động; cho thuê kho, bãi; đại lý liên hiệp vận tải; dịch vụ giao nhận hàng hóa; môi giới thương mại; dịch vụ khai thuê hải quan; kinh doanh vận tải container bằng đường biển, đường bộ; mua bán và cung ứng vật tư - thiết bị ngành hàng hải; mua bán phương tiện vận tải và thiết bị vật tư - phụ tùng, khoáng sản, kim loại màu, sắt thép, thiết bị điện tử, hàng nông lâm thủy sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng may mặc; mua bán dầu nhờn; mua bán máy, phụ tùng, vật tư cho hàng máy tàu nước ngoài; đại lý bán vé máy bay; kinh doanh bất động sản.

- Số lượng cổ phần sở hữu: **232.875 CP**

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: **1,72 %**

7. Đại lý Hàng hải Việt Nam

- Địa chỉ: Tòa nhà Harbour View, Số 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, T/P Hồ Chí Minh

- Ngành nghề hoạt động:

- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 CP (Đã chuyển nhượng hết)

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 0 %

8. Vũ Công Tường

- Địa chỉ: G24, Đường số 9, Khu A Nam Thành Công, Đống Đa, H

- Năm sinh: 1964

- Số lượng cổ phần sở hữu: **4.007 CP**

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: **0,03 %**

9. Nguyễn Văn Cường

- Địa chỉ: Số 3/221 Tô Hiệu, Hải Phòng

- Năm sinh: 1964

- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 CP (Đã chuyển nhượng hết)

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 0 %

10. Nguyễn Minh Lợi

- Địa chỉ: Số 9/50 Cầu Đất, Hải Phòng

- Năm sinh: 1960

- Số lượng cổ phần sở hữu: **22.402 CP**

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: **0,17 %**

11. Trần Phước Tùng

- Địa chỉ: U26 Cư xá Vĩnh Hội, Bến Vân Đồn, T/P Hồ Chí Minh

- Năm sinh: 1966

- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 CP (Đã chuyển nhượng hết)

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 0 %

12. Nguyễn Thanh Bình

- Địa chỉ: Số 20/6+7 Nguyễn Trường Tộ, Q. Tân Bình, T/P Hồ Chí Minh

- Năm sinh: 1964

- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 CP (Đã chuyển nhượng hết)

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 0 %

2.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài: (Tính đến tháng 05/2011)

+ Cá nhân: 163 cổ đông, nắm giữ 373.284 CP, chiếm 2,75% vốn cổ phần

+ Tổ chức: 03 cổ đông, nắm giữ 29.768 CP, chiếm 0,22% vốn cổ phần

2.4. Cổ đông lớn

- Cá nhân: 01 cổ đông

+ Họ và tên: Bùi Đình Quý

+ Ngày tháng năm sinh: 28/10/1955

+ Địa chỉ liên lạc: 125B Tôn Thất Thuyết, P. 15, Quận 4, T/P Hồ Chí Minh

+ Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.741.000 CP (tính đến 31/12/2011)

+ Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 12,84%

Tổ chức: 01 cổ đông

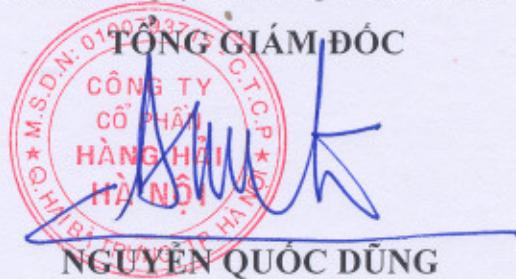
+ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

+ Địa chỉ liên lạc: Số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

+ Số lượng cổ phần sở hữu: 698.625 CP

+ Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 5,15%

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2012



PHỤ LỤC SỐ 01

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31/12/2011 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT
THÚC NGÀY 31/12/2011 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
VÀ Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MỤC LỤC**NỘI DUNG****TRANG**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIÊM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LUU CHUYỀN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2011 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng	Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Quang Phúc	Phó chủ tịch
3. Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên
4. Ông Trần Khắc Nguyên	Thành viên
5. Ông Chu Nguyên Bình	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 09/06/2011
6. Ông Bùi Đình Quý	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 09/06/2011
7. Ông Nguyễn Hồng Minh	Thành viên - Miễn nhiệm ngày 09/06/2011

Ban Giám đốc

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng	Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 10/06/2011
2. Ông Nguyễn Quang Phúc	Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 10/06/2011

Ban Kiểm soát

1. Ông Nguyễn Trung Dũng	Trưởng ban
2. Ông Đỗ Thành Đĩnh	Thành viên
3. Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên

Trưởng phòng kế toán

1. Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Trưởng phòng kế toán - Bổ nhiệm ngày 01/12/2009
2. Ông Hoàng Duy Anh	Kế toán trưởng - Miễn nhiệm ngày 21/07/2011

CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng ngoài vấn đề đã nêu tại Thuyết minh số 29 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào khác có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép và trình bày hợp lý, đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính đã được lập theo đúng Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Quốc Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2012

Số: 22 /2012/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo của Công ty được lập ngày 15/02/2012, trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.



Trần Quý Phán
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0510/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2012

Phạm Gia Đạt
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0798KTV

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
TÀI SẢN NGÀN HẠN	100		54.278.482.820	69.927.308.503
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.785.157.563	2.108.542.799
Tiền	111		7.785.157.563	2.108.542.799
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		504.364.000	606.132.600
Đầu tư ngắn hạn	121	6	578.683.200	637.812.600
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(74.319.200)	(31.680.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.760.721.485	62.852.703.629
Phải thu khách hàng	131		9.495.690.989	14.888.920.284
Trả trước cho người bán	132		1.697.082.928	7.221.145.056
Các khoản phải thu khác	135	7	36.132.514.740	49.277.625.144
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(5.564.567.172)	(8.534.986.855)
Hàng tồn kho	140		22.408.300	-
Hàng tồn kho	141		22.408.300	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.205.831.472	4.359.929.475
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		23.054.949	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		351.700.073	1.274.142.477
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		297.587.590	254.301.748
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.533.488.860	2.831.485.250
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		154.271.309.915	119.017.280.614
Tài sản cố định	220		42.056.246.387	8.053.753.529
Tài sản cố định hữu hình	221	8	38.868.933.337	3.728.979.415
- Nguyên giá	222		47.891.842.090	10.203.230.323
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(9.022.908.753)	(6.474.250.908)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	1.137.461.064
- Nguyên giá	225		-	4.715.561.200
- Giá trị hao mòn luỹ kế	226		-	(3.578.100.136)
Tài sản cố định vô hình	227	9	746.493.800	746.493.800
- Nguyên giá	228		746.493.800	746.493.800
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	2.440.819.250	2.440.819.250
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	111.242.001.544	109.976.135.685
Đầu tư vào công ty con	251		33.566.974.113	47.617.135.685
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		75.175.027.431	59.859.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		2.500.000.000	2.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		973.061.984	987.391.400
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	626.561.984	540.891.400
Tài sản dài hạn khác	268		346.500.000	446.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		208.549.792.735	188.944.589.117

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		119.938.529.766	96.420.486.011
Nợ ngắn hạn	310		105.515.106.101	62.254.799.637
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	35.872.091.225	4.800.119.549
Phải trả người bán	312		13.757.178.178	20.167.538.271
Người mua trả tiền trước	313		17.372.669.112	11.745.071.268
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	82.555.682	422.301.410
Phải trả người lao động	315		153.266.616	493.281.311
Chi phí phải trả	316	15	13.937.732.064	18.236.394.280
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	23.477.021.953	5.145.178.277
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		862.591.271	1.244.915.271
Nợ dài hạn	330		14.423.423.665	34.165.686.374
Vay và nợ dài hạn	334	16	14.000.000.000	33.729.317.409
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		423.423.665	436.368.965
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		88.611.262.969	92.524.103.106
Vốn chủ sở hữu	410	18	88.611.262.969	92.524.103.106
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.555.140.000	135.555.140.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		24.001.910.000	24.001.910.000
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(1.200.000)	(1.200.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(209.569.216)	(1.626.488.418)
Quỹ đầu tư phát triển	417		2.365.477.900	2.365.477.900
Quỹ dự phòng tài chính	418		6.346.747.810	6.346.747.810
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(79.447.243.525)	(74.117.484.186)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		208.549.792.735	188.944.589.117

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2012

Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU

Thuyết
minh

31/12/2011

01/01/2011

Tài sản thuê ngoài	-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
Ngoại tệ các loại (USD)	1.023,04	1.021,93
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2012

Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	10.683.805.638	9.352.518.592
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10.683.805.638	9.352.518.592
Giá vốn hàng bán	11	20	5.327.839.962	41.078.589.491
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.355.965.676	(31.726.070.899)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	5.241.228.320	24.686.815.182
Chi phí tài chính	22	22	11.629.434.951	15.922.576.586
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.013.830.935	6.952.934.119
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	710.217.572	8.689.377.034
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.742.458.527)	(31.651.209.337)
Thu nhập khác	31	24	4.351.049.123	154.682.721.736
Chi phí khác	32	25	6.569.805.897	166.948.126.261
Lợi nhuận khác	40		(2.218.756.774)	(12.265.404.525)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.961.215.301)	(43.916.613.862)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.961.215.301)	(43.916.613.862)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	26	(292)	(3.240)

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2012

Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thị Lan Anh



Tổng Giám đốc

Nguyễn Quốc Dũng

BÁO CÁO LUU CHUYEN TIEN TE
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		(3.961.215.301)	(43.916.613.862)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCD	2		1.664.764.658	3.750.122.537
Các khoản dự phòng	3		(2.927.780.483)	2.872.166.159
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		5.536.495.733	1.064.043.385
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(7.796.364.260)	(8.301.007.879)
Chi phí lãi vay	6		4.013.830.935	6.952.934.119
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>8</i>		<i>(3.470.268.718)</i>	<i>(37.578.355.541)</i>
Tăng giảm các khoản phải thu	9		24.239.554.779	2.223.203.961
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(22.408.300)	5.542.928.716
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(17.554.778.733)	(24.482.657.806)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(108.725.533)	16.525.531.740
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.842.635.519)	(3.734.604.922)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(338.722.018)	(630.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	2.023.710.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(109.082.749)	(35.210.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>792.933.209</i>	<i>(40.145.453.852)</i>
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(2.677.661.559)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		16.199.659.869	140.086.750.278
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.130.295.095)	(13.813.980.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	12.017.500.000
Tiền thu lãi vay, cố tức và lợi nhuận đượcchia	27		3.880.000.720	3.757.774.780
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>17.949.365.494</i>	<i>139.370.383.499</i>
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	3.916.042.876
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(9.747.119.461)	(102.579.920.082)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(3.321.485.591)	(2.240.285.509)
Cố tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(13.068.605.052)</i>	<i>(100.904.162.715)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5.673.693.651	(1.679.233.068)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.108.542.799	3.787.775.867
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.921.113	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	7.785.157.563	2.108.542.799

Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thị Lan Anh



Nguyễn Quốc Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội, tên viết tắt là MARINA HA NOI (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 056428 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715) ngày 19/11/1998, thay đổi lần thứ 13 vào ngày 01/08/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội có trụ sở tại: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 135.555.140.000 đồng (trong đó Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam nắm giữ 5,15%, cổ đông trong và ngoài Công ty nắm giữ 94,85%).

Từ ngày 21/03/2005, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là MHC.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Đại lý hàng hải;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Lai dắt tàu biển;
- Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Nhiên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty được lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YÊU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 UỐC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ánh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân giá quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.4 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty trích lập dự phòng tồn thất các khoản đầu tư tài chính và nợ phải thu khó đòi theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẨU HAO

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	14-25
Máy móc thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

4.6 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỎ DẠNG

Chi phí xây dựng cơ bản dỏ dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

4.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc; lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc trên Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong năm tài chính có liên quan đến nhiều kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

4.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

4.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc đầu tư tài sản cố định trong quá trình đầu tư được vốn hóa vào giá trị tài sản hoặc công trình khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Các khoản chi phí đi vay khác phát sinh được phản ánh vào kết quả kinh doanh.

4.11 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu trong năm 2011 chủ yếu là từ hợp đồng bán 3 tàu lai đất Transvina, Marina 18, Marina 19 với Công ty TNHH Vận tải và Đầu tư Đông Bắc với giá trị 8,8 tỷ đồng.

Doanh thu tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có).

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của năm hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng là 25%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.13 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201") hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Trong năm 2011, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- * Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.
- * Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.
- * Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ phải trả dài hạn (trên 1 năm) nếu hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái làm cho kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau. Nhưng phải đảm bảo phần chênh lệch tỷ giá tính vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ đến hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

Thông tư 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ánh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Cụ thể theo quy định tại Chuẩn mực này tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

4.14 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	30.362.169	260.382.656
Tiền gửi ngân hàng	7.754.795.394	1.848.160.143
Cộng	7.785.157.563	2.108.542.799

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGÂN HẠN

	31/12/2011 Số lượng	31/12/2011 Giá trị	01/01/2011 Số lượng	01/01/2011 Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		578.683.200	-	637.812.600
+ Cổ phiếu Công ty CP Thủy điện Vịnh Sơn - sông Hinh (VSH)	8.800	140.800.000	8.800	140.800.000
+ Cổ phiếu Tổng Công ty Bia rượu nước giải khát Sài Gòn	5.000	350.000.000	5.000	350.000.000
+ Cổ phiếu Công ty CP Giao nhận kho vận Ngoại thương (TMS)	3.012	87.883.200	5.052	147.012.600
Cộng		578.683.200		637.812.600

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty Xây dựng Lũng Lô	31.407.307.919	31.407.307.919
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá	-	10.317.940.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải	-	3.412.500.000
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	1.040.575.837	-
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hải Phòng	-	839.352.646
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	339.476.051	339.476.051
Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Đầu tư	-	663.629.654
Bất động sản Hà Nội		
Phải thu khác	3.345.154.933	2.297.418.874
Cộng	36.132.514.740	49.277.625.144

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI
Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Hai Bà Trưng, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng	
					VND	VND
01/01/2011	7.354.817.531	465.376.970	1.597.415.483	629.348.106	156.272.233	10.203.230.323
- Tăng khác (*)	38.471.073.770	-	-	-	-	38.471.073.770
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(782.462.003)	-	-	(782.462.003)
31/12/2011	45.825.891.301	465.376.970	814.953.480	629.348.106	156.272.233	47.891.842.090
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2011	4.022.436.110	465.376.970	1.232.991.056	597.174.539	156.272.233	6.474.250.908
- Khäu hao trong năm	1.538.295.776	-	108.675.280	17.793.602	-	1.664.764.658
- Tăng khác (*)	1.410.606.043	-	-	-	-	1.410.606.043
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(526.712.856)	-	-	(526.712.856)
31/12/2011	6.971.337.929	465.376.970	814.953.480	614.968.141	156.272.233	9.022.908.753
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2011	3.332.381.421	-	364.424.427	32.173.567	-	3.728.979.415
31/12/2011	38.854.553.372	-	-	14.379.965	-	38.868.933.337

(*) : Là khoản điều chuyển với tòa nhà điều hành Bãi container Hai An tại Phường Đông Hải, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng tại Công ty TNHH Quản lý và kinh doanh Bất Động Sản Hà Nội theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 39/CPHH tại ngày 01/09/2011 (trước ngày thỏa thuận giao ty lệ sở hữu và quyền kiểm soát).

Nguyên giá tài sản có định dã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 :

2.181.400.081 đồng.
38.471.073.770 đồng

Nguyên giá tài sản có định dã dùng cầm cố để chắp đầm bão cho các khoản vay tại ngày 31/12/2011 :

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất dự án khu dân cư An Thới - BMT địa chỉ tại phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, thời hạn sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao cho tài sản cố định vô hình này.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tổng số chi phí XDCB dở dang	2.440.819.250	2.440.819.250
Trong đó:		
+ Chi phí khảo sát Dự án Cảng Phù Đổng	500.000.000	500.000.000
+ Chi phí thiết kế đóng tàu mới	1.940.819.250	1.940.819.250

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
a. Đầu tư vào Công ty con		33.566.974.113		47.617.135.685
- Công ty TNHH Quản lý và KD Đầu tư BDS Hà Nội (*)	-	-	-	12.953.716.493
- Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Da phương thức (**)	-	6.000.000.000	-	8.826.740.174
- Công ty TNHH Hàng hải Hà Nội Phía Nam	-	15.000.000.000	-	14.109.057.551
- Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng hải Hải Phòng	-	12.566.974.113	-	11.727.621.467
b. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		75.175.027.431		59.859.000.000
- Công ty TNHH Hàng Hải Wallem	-	1.734.000.000	-	1.734.000.000
- Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	58.125.000.000	-	58.125.000.000
- Công ty TNHH Quản lý và KD Đầu tư BDS Hà Nội (*)	-	15.316.027.431	-	-
c. Đầu tư dài hạn khác		2.500.000.000		2.500.000.000
- Đầu tư cổ phiếu		2.500.000.000	-	2.500.000.000
Công ty CP Hải Minh	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000

(*) : Ngày 01/12/2011, các bên bao gồm: Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội, Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính An Thịnh (ATFC) và Ông Vũ Tiến Sơn đã tiến hành ký kết thỏa thuận thống nhất về việc Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội chuyển giao 60% tỷ lệ sở hữu và quyền kiểm soát của tại Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh Bất Động Sản Hà Nội cho ATFC và Ông Vũ Tiến Sơn. Theo đó, từ 01/12/2011 đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà nội trở thành Công ty liên kết với tỷ lệ sở hữu và quyền kiểm soát của MHC là 40%.

(**) : Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty cổ phần Hàng hải Hà Nội sở hữu 47,27% vốn điều lệ (Năm 2010 là 77,9%). Tuy nhiên, các nhà đầu tư khác thỏa thuận dành cho Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội hơn 50% quyền biểu quyết và kiểm soát nên Công ty có quyền chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tai Da Phương Thức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí thuê sân Golf	516.993.400	540.891.400
Chi phí phân bổ khác	109.568.584	-
Cộng	626.561.984	540.891.400

13. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	35.872.091.225	4.800.119.549
Ngân hàng Thương mại CP Quán đội	27.264.958.592	-
NHNNo và Phát triển Nông thôn - CN Bách Khoa	7.000.000.000	2.225.668.000
Sở Giao dịch NHNNNo và Phát triển Nông thôn	1.607.132.633	-
Công ty Interpool	-	2.574.451.549
Cộng	35.872.091.225	4.800.119.549

Xem thuyết minh số 16.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	338.722.018
Thuế thu nhập cá nhân	82.555.682	83.579.392
Cộng	82.555.682	422.301.410

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Trích trước chi phí bảo hiểm tàu	-	475.655.263
Chi phí lãi vay	7.737.813.396	5.827.926.070
Chi phí vật tư tàu	-	486.165.509
Phi cảng và phí quản lý	5.021.013.947	5.973.387.031
Chi phí sửa chữa tàu	-	5.009.629.576
Chi phí môi giới	-	22.890.089
Chi phí phải trả khác	1.178.904.721	440.740.742
Cộng	13.937.732.064	18.236.394.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay dài hạn	14.000.000.000	33.310.777.840
- Vay ngân hàng	14.000.000.000	33.310.777.840
Nợ dài hạn	-	418.539.569
- Thuê tài chính	-	418.539.569
Cộng	14.000.000.000	33.729.317.409

Trong đó:

Các khoản vay dài hạn

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc 31/12/2011	Số dư nợ gốc phải trả năm tới
				USD	USD	USD
01/2008/H	Ngân hàng					
DTD/MB- MHC	TMCP Quản đội	7,3%/năm	48 tháng	3.521.000	1.309.053,13	1.309.053,13
Cộng				3.521.000	1.309.053,13	1.309.053,13

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc 31/12/2011	Số dư nợ gốc phải trả năm tới
				VND	VND	VND
1200-LAV- 200900722	Sở giao dịch NHNN và PT Nông Thôn	Lãi suất thà nội	60 tháng	9.619.450.000	1.607.132.633	1.607.132.633
1401-LAV- 201100525 (*)	NHNN và PT Nông Thôn - CN Bách Khoa	Lãi suất thà nội	27 tháng	21.000.000.000	21.000.000.000	7.000.000.000
Cộng				30.619.450.000	22.607.132.633	8.607.132.633

(*) : Ngày 28/09/2011 Hội đồng quản trị có Quyết định số 34/CPIHH về việc chuyển tòa nhà Hải An từ HPM về Công ty mẹ. Theo quyết định này, chuyển khoản vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bách khoa để đầu tư dự án Tòa nhà Hải An theo hợp đồng tín dụng số 1200-LAV-200801379 ngày 14/10/2008 từ Công ty TNHH Quản lý và kinh doanh Bất Động Sản về Công ty Cổ phần Hàng Hải Hà Nội. Từ ngày 28/09/2011, Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội chịu trách nhiệm trả gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với khoản nợ vay. Đến ngày 28/11/2011 Công ty đã thực hiện xong thủ tục chuyển nợ theo hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-201100525, tài sản thế chấp cầm cố đảm bảo cho khoản vay là Tòa nhà văn phòng điều hành khu Container Hải An.

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Bảo hiểm y tế	9.179.765	
- Bảo hiểm xã hội	15.699.200	156.785.038
- Kinh phí công đoàn	-	4.849.200
- Bảo hiểm thất nghiệp	29.661.624	39.521.246
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.422.481.364	4.944.022.793
Trong đó		
- Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Da phương thức	4.861.419.109	3.875.708.286
- Công ty TNHH Hàng Hải Hà Nội Phía Nam	478.267.949	672.486.500
- Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Tại Hải Phòng	2.254.644.097	-
- Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh BDS	14.731.681.771	-
- Công ty CP Cảng Đoạn Xá	340.561.690	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	755.906.748	395.828.007
Cộng	<u>23.477.021.953</u>	<u>5.145.178.277</u>

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Cổ đông	31/12/2011	
		Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
1	Ông Bùi Đinh Quý	17.480.000.000	12,90%
2	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	6.986.250.000	5,15%
3	Các cổ đông khác	111.088.890.000	81,95%
Cộng		<u>135.555.140.000</u>	<u>100%</u>

18.2 Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2011		Năm 2010	
	VND	VND	VND	VND
+ Vốn góp đầu năm	135.555.140.000		135.555.140.000	
+ Vốn góp tăng trong năm	-		-	
+ Vốn góp giảm trong năm	-		-	
+ Vốn góp cuối năm	135.555.140.000		135.555.140.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HÀ NỘI
Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giải năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.3 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quy đầu tư phát triển	Quy định phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2010	135.555.140.000	24.001.910.000	(1.200.000)	(2.491.613.188)	2.365.477.900	6.346.747.810	(13.215.398.989)	152.561.063.533
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(43.916.613.862)	(43.916.613.862)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	49.557.693	49.557.693
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	865.124.770	-	-	-	865.124.770
- Chuyển lỗ từ công ty con	-	-	-	-	-	-	(17.035.029.028)	(17.035.029.028)
31/12/2010	135.555.140.000	24.001.910.000	(1.200.000)	(1.626.488.418)	2.365.477.900	6.346.747.810	(74.117.484.186)	92.524.103.106
01/01/2011	135.555.140.000	24.001.910.000	(1.200.000)	(1.626.488.418)	2.365.477.900	6.346.747.810	(74.117.484.186)	92.524.103.106
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	1.416.919.202	-	-	-	1.416.919.202
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	(3.961.215.301)	(3.961.215.301)
- Chuyển lỗ từ công ty con	-	-	-	-	-	-	(1.368.544.038)	(1.368.544.038)
31/12/2011	135.555.140.000	24.001.910.000	(1.200.000)	(209.569.216)	2.365.477.900	6.346.747.810	(79.447.243.525)	88.611.262.969

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.4 Cổ phiếu

	31/12/2011 CP	01/01/2011 CP
Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	13.555.634	13.555.634
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.555.514	13.555.514
+ Cổ phiếu thường	13.555.514	13.555.514
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	120	120
+ Cổ phiếu thường	120	120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.555.394	13.555.394
+ Cổ phiếu thường	13.555.394	13.555.394
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/CP)	10.000	10.000

19. DOANH THU BÁN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.683.805.638	9.352.518.592
Trong đó:		
+ Doanh thu vận tải	-	4.000.000.000
+ Doanh thu cung ứng dịch vụ hàng hải	151.200.000	3.432.768.896
+ Doanh thu lưu kho bãi	372.829.092	1.638.959.697
+ Doanh thu bán tàu Transvina, Marina 18, Marina 19	8.818.181.818	-
+ Doanh thu cho thuê văn phòng cầu bến, phao	1.072.627.536	70.454.545
+ Doanh thu dịch vụ khác	268.967.192	210.335.454

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn vận tải	-	35.109.689.635
Giá vốn cung ứng dịch vụ hàng hải	588.023.674	3.636.363.636
Giá vốn lưu kho bãi	298.263.282	1.247.399.476
Giá vốn bán tàu Transvina, Marina 18, Marina 19	2.311.532.909	-
Giá vốn cho thuê văn phòng cầu bến, phao	1.102.257.357	-
Giá vốn dịch vụ khác	1.027.762.740	1.085.136.744
Cộng	5.327.839.962	41.078.589.491

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	623.955.077	45.301.780
Lãi do chuyển nhượng vốn góp đầu tư	593.615.437	20.680.652.048
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.300.000.000	3.600.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	403.126.100	112.473.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	320.531.706	248.388.354
Cộng	5.241.228.320	24.686.815.182

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí lãi vay	4.013.830.935	6.952.934.119
Lỗ do hoạt động chứng khoán	-	56.500.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.020.735.603	6.001.689.281
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.536.495.733	1.064.043.385
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	43.372.680	31.680.000
Chi phí tài chính khác	15.000.000	1.815.729.801
Cộng	11.629.434.951	15.922.576.586

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.542.271	193.345.789
Chi phí nhân công	2.115.938.090	2.009.636.067
Khâu hao tài sản cố định	126.468.882	150.973.998
Chi phí thuế phí lệ phí	6.170.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.424.318.332	1.925.390.856
Chi phí bảo hiểm	-	22.539.319
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(2.992.574.383)	4.378.650.545
Sửa chữa tài sản cố định	2.354.380	8.840.460
Cộng	710.217.572	8.689.377.034

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Nhượng bán tài sản cố định	3.640.136.363	144.546.116.662
Chênh lệch góp vốn bằng tài sản	-	10.053.655.430
Thu nhập do khách hàng xóa nợ	522.811.616	-
Các khoản khác	188.101.144	82.949.644
Cộng	4.351.049.123	154.682.721.736

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhượng bán tài sản cố định	818.586.287	166.922.916.261
Chi phí tàu Ocean Asia và Achiever	5.724.134.271	-
Chi phí khác	27.085.339	25.210.000
Cộng	6.569.805.897	166.948.126.261

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.961.215.301)	(43.916.613.862)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.961.215.301)	(43.916.613.862)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.555.394	13.555.394
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(292)	(3.240)

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.542.271	6.983.083.052
Chi phí nhân công	2.115.938.090	4.740.745.233
Khâu hao tài sản cố định	1.664.764.658	2.298.763.175
Chi phí thuế, phí lệ phí khác	6.170.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.928.911.356	6.883.661.401
Chi phí bằng tiền khác	3.284.951.162	3.782.652.824
Chi phí bảo hiểm	-	1.699.370.230
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(2.992.574.383)	4.378.650.545
Sửa chữa tài sản cố định	2.354.380	19.001.040.065
Cộng	6.038.057.534	49.767.966.525

28. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vay vốn		
- Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	1.321.320.666
Trả vốn vay		
- Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	7.821.320.666
Thuê nhà	103.208.958	147.307.410
- Công ty TNHH Quản lý và KD ĐT Bất động sản Hà Nội	103.208.958	147.307.410
- Mua hàng từ Y		
- Mua hàng từ Z		
Cho thuê tàu, phương tiện vận tải		1.013.833.636
- Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Đa phương thức	-	513.270.000
- Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng Hải Hải Phòng	-	500.563.636
Bán tài sản cố định	803.636.363	181.818.182
- Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Đa phương thức	727.272.727	181.818.182
- Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng Hải Hải Phòng	76.363.636	-

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu khác		1.502.982.300
Công ty TNHH Quản lý và KD DT Bất động sản Hà Nội	-	663.629.654
Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng Hải Hải Phòng	-	839.352.646
Phải trả người bán	1.397.943.495	1.593.440.086
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	12.385.015
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	1.397.943.495	1.581.055.071
Phải trả khác	22.326.012.926	4.548.194.786
Công ty TNHH Quản lý và KD DT Bất động sản Hà Nội	14.731.681.771	-
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý VT Đa phương thức	4.861.419.109	3.875.708.286
Công ty TNHH Hàng Hải Hà Nội Phía Nam	478.267.949	672.486.500
Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng Hải Hải Phòng	2.254.644.097	-

29. THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch chứng khoán

Ngày 07/04/2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hàng Hải Hà Nội (MHC) bị tạm ngừng giao dịch do lỗ 2 năm liên tiếp. Tuy nhiên đến ngày 22/04/2011, Tổng Giám đốc Sàn Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh đã ký quyết định đưa cổ phiếu của Công ty ra khỏi diện tạm ngừng giao dịch và cho phép cổ phiếu MHC được giao dịch trở lại theo diện chứng khoán bị kiểm soát.

Cam kết về việc bán tài sản có giá trị lớn chưa thực hiện

Theo Quyết định số 638/QĐ-UBND của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ngày 09/05/2011 Về việc phê duyệt giá trị còn lại của tài sản đã đầu tư trên đất dự án Bến số 2 - Cảng tổng hợp Dung Quất, tổng diện tích đất bị thu hồi là 95.727 m², tổng giá trị còn lại của tài sản đã đầu tư trên đất là 54.069.279.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tư tỷ, không trăm sáu mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn/.*).

Công ty đã thực hiện ký hợp đồng kinh tế số 08/2011-HDKT /MHC-DQS ngày 28/11/2011 với Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất về việc chuyển trả chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà nội đối với dự án Bến số 2 - Cảng tổng hợp Dung Quất tại Bình Thuận - Bình Sơn - Quảng Ngãi với giá trị cả thuế VAT là 56.755.673.750 đồng (*Bằng chữ : Năm mươi sáu tỷ, bảy trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng/.*).

Đến 31/12/2011 Cty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất đã tam ứng cho Công ty Cổ phần Hàng Hải Việt Nam 10% giá trị hợp đồng với số tiền 5.675.567.375 đồng.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc 2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2012

Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thị Lan Anh



Nguyễn Quốc Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2011 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng	Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Quang Phúc	Phó chủ tịch
3. Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên
4. Ông Trần Khắc Nguyên	Thành viên
5. Ông Chu Nguyên Bình	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 09/06/2011
6. Ông Bùi Đình Quý	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 09/06/2011
7. Ông Nguyễn Hồng Minh	Thành viên - Miễn nhiệm ngày 09/06/2011

Ban Giám đốc

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng	Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 10/06/2011
2. Ông Nguyễn Quang Phúc	Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 10/06/2011

Ban Kiểm soát

1. Ông Nguyễn Trung Dũng	Trưởng ban
2. Ông Đỗ Thành Đĩnh	Thành viên
3. Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên

Trưởng phòng kế toán

1. Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Trưởng phòng kế toán - Bổ nhiệm ngày 01/12/2009
2. Ông Hoàng Duy Anh	Kế toán trưởng - Miễn nhiệm ngày 21/07/2011

CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng ngoài vấn đề đã nêu tại Thuyết minh số 30 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào khác có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Dưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép và trình bày hợp lý, đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo đúng Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định kế toán có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo của Công ty được lập ngày 16/02/2012 trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh số 1.4 “Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của các Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An và Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam là Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán”.



Trần Quý Phán

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0510/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2012

Phạm Gia Đạt

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0798KTV

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN NGÂN HẠN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	25.453.281.573	12.567.326.902
Tiền	111		23.947.305.462	11.567.326.902
Các khoản tương đương tiền	112		1.505.976.111	1.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	504.364.000	7.106.132.600
Đầu tư ngắn hạn	121		578.683.200	7.137.812.600
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(74.319.200)	(31.680.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.415.810.338	94.440.525.492
Phái thu khách hàng	131		32.863.666.540	38.911.217.733
Trả trước cho người bán	132		2.183.390.460	7.637.213.399
Các khoản phải thu khác	135	7	41.331.088.967	58.351.015.513
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.962.335.629)	(10.458.921.153)
Hàng tồn kho	140	8	255.945.756	154.042.591
Hàng tồn kho	141		255.945.756	154.042.591
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.972.299.134	10.708.466.440
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		888.538.202	783.902.484
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.509.770.423	5.341.349.874
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		300.587.590	305.379.391
Tài sản ngắn hạn khác	158		5.273.402.919	4.277.834.691
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		145.389.512.471	133.620.077.238
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		52.175.442.372	62.363.268.363
Tài sản cố định hữu hình	221	10	48.988.129.322	58.038.494.249
- Nguyên giá	222		80.242.185.833	94.907.855.948
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(31.254.056.511)	(36.869.361.699)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	-	1.137.461.064
- Nguyên giá	225		-	4.715.561.200
- Giá trị hao mòn luỹ kế	226		-	(3.578.100.136)
Tài sản cố định vô hình	227	12	746.493.800	746.493.800
- Nguyên giá	228		746.493.800	746.493.800
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	2.440.819.250	2.440.819.250
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	91.718.671.867	69.479.841.925
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		89.218.671.867	65.479.841.925
Đầu tư dài hạn khác	258		2.500.000.000	4.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.495.398.232	1.776.966.950
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	812.608.232	997.176.950
Tài sản dài hạn khác	268		682.790.000	779.790.000
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		248.991.213.272	258.596.571.263

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ ngắn hạn	300		143.796.600.761	160.307.740.897
Vay và nợ ngắn hạn	310		128.185.885.520	103.352.858.679
Phải trả người bán	311	16	36.384.891.225	11.717.778.776
Người mua trả tiền trước	312		27.983.913.040	38.488.976.473
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		17.377.470.079	11.844.264.025
Phải trả người lao động	314	15	824.840.703	1.136.504.396
Chi phí phải trả	315		4.312.491.458	1.914.622.639
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	316	17	15.514.701.349	20.890.652.299
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319	18	24.613.316.303	16.103.418.573
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	323		1.174.261.363	1.256.641.498
Nợ dài hạn	330		15.610.715.241	56.954.882.218
Phải trả dài hạn khác	333		226.000.000	244.650.000
Vay và nợ dài hạn	334	19	14.277.200.000	56.199.516.503
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.107.515.241	510.715.715
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		97.119.225.935	95.883.146.018
Vốn chủ sở hữu	410	20	97.119.225.935	95.883.146.018
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.555.140.000	135.555.140.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.918.259.474	30.056.477.155
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(1.200.000)	(1.200.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(22.539.671)	(2.248.405.049)
Quỹ đầu tư phát triển	417		2.587.998.449	2.365.477.900
Quỹ dự phòng tài chính	418		6.407.140.614	6.346.747.810
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(77.325.572.931)	(76.191.091.798)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỆU SỐ	439		8.075.386.576	2.405.684.348
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		<u>248.991.213.272</u>	<u>258.596.571.263</u>

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2012

Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thị Lan Anh



Nguyễn Quốc Dũng

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	31/12/2011	01/01/2011
Tài sản thuê ngoài			
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
Nợ khó đòi đã xử lý			
Ngoại tệ các loại	USD	109.974,84	175.842,30
Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2012

Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thị Lan Anh



Nguyễn Quốc Dũng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	126.290.628.139	130.683.346.736
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	126.290.628.139	130.683.346.736
Giá vốn hàng bán	11	22	103.695.382.797	142.058.679.234
	20		22.595.245.342	(11.375.332.498)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	8.699.781.073	26.562.532.656
Chi phí tài chính	22	24	17.768.528.533	19.304.794.621
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.180.867.476	7.688.185.437
Chi phí bán hàng	24		1.560.060.437	1.478.048.969
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.869.896.111	26.296.137.958
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.903.458.666)	(31.891.781.390)
Thu nhập khác	31	25	13.274.281.849	155.994.985.600
Chi phí khác	32	26	9.959.495.700	167.109.849.136
Lợi nhuận khác	40		3.314.786.149	(11.114.863.536)
Lợi nhuận trong Công ty liên kết liên doanh	45		5.845.504.743	(529.438.695)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.256.832.226	(43.536.083.621)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		154.275.847	135.465.727
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.102.556.379	(43.671.549.348)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		994.224.184	147.794.793
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		108.332.195	(43.819.344.141)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	8	(3.233)

Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thị Lan Anh



Nguyễn Quốc Dũng

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		1.256.832.226	(43.536.083.621)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		6.006.948.008	8.114.632.221
Các khoản dự phòng	3		(2.730.557.360)	3.055.974.640
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		5.536.495.733	1.066.991.488
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(13.728.051.753)	(9.863.122.033)
Chi phí lãi vay	6		7.180.867.476	7.688.185.437
	8		<u>3.522.534.330</u>	<u>(33.473.421.868)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động				
Tăng giảm các khoản phải thu	9		16.565.926.863	(28.163.886.952)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(105.350.165)	5.496.287.625
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(10.477.856.461)	14.714.802.239
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.281.016)	16.522.330.298
Tiền lãi vay đã trả	13		(5.097.923.779)	(7.869.624.144)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(345.844.557)	(750.355.616)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		7.857.043.034	3.249.288.751
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(764.388.281)	(105.851.455)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<u>11.152.859.968</u>	<u>(30.380.431.122)</u>
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.232.899.999)	(12.960.228.061)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		16.199.659.869	141.399.014.142
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(6.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.500.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.274.902.646)	(10.417.500.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	10.261.096.400
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		<u>4.519.586.044</u>	<u>5.395.534.006</u>
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<u>19.711.443.268</u>	<u>127.177.916.487</u>
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.505.500.217	26.158.613.250
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(20.380.078.905)	(119.991.346.061)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(3.321.485.591)	(2.240.285.509)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<u>(18.196.064.279)</u>	<u>(96.073.018.320)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		12.668.238.957	724.467.045
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		12.567.326.902	12.034.776.719
Ânh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		217.715.714	(191.916.862)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	<u>25.453.281.573</u>	<u>12.567.326.902</u>

Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thị Lan Anh



Nguyễn Quốc Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội, tên viết tắt là MARINA HA NOI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 056428 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715) ngày 19/11/1998, thay đổi lần thứ 13 vào ngày 01/08/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội có trụ sở tại: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 135.555.140.000 đồng (trong đó Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam nắm giữ 5,15%, cổ đông trong và ngoài Công ty nắm giữ 94,85%).

Từ ngày 21/03/2005, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là MHC.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Đại lý hàng hải;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Lai dắt tàu biển;
- Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

1.3 DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT

Đến ngày 31/12/2011 Công ty có các Công ty con như sau:

	Công ty	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2011 (%)	Trụ sở
1	Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức (*)	10.000.000.000	47,27%	Số 45, Triệu Việt Vương, TP Hà Nội
2	Công ty TNHH Hàng hải Hà Nội phía Nam	15.000.000.000	100%	62 Bis, Huỳnh Thúc Kháng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
3	Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	15.000.000.000	100%	Tầng 4, Tòa nhà Hải An, đường Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1.3 DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT (TIẾP)

(*): Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty cổ phần Hàng hải Hà Nội sở hữu 47,27% vốn điều lệ (Năm 2010 là 77,9%). Tuy nhiên, các nhà đầu tư khác thỏa thuận dành cho Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội hơn 50% quyền biểu quyết và kiểm soát nên có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức.

1.4 CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC PHẢN ÁNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Công ty	Tỷ lệ sở hữu của MHC (%)	Trụ sở
1	Công ty TNHH Hàng Hải Wallem (*)	51,00 %	Số 10 Đoàn Như Hải, Quận 4, TP Hồ Chí Minh.
2	Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*)	31,00 %	Tầng 1, Tòa nhà Hải An, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, TP Hải Phòng
3	Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà nội (**)	40,00%	Tầng 3, Tòa nhà Ocean Park, Số 01, Đào Duy Anh, TP Hà Nội

(*): Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu nêu trên là các Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán.

(**): Sự kiện thoái vốn tại Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà nội

Ngày 01/12/2011, các bên bao gồm: Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội, Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính An Thịnh (ATFC) và Ông Vũ Tiến Sơn đã tiến hành ký kết thỏa thuận thống nhất về việc Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội chuyển giao 60% tỷ lệ sở hữu và quyền kiểm soát của tại Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh Bất Động Sản Hà Nội cho ATFC và Ông Vũ Tiến Sơn. Theo đó, từ 01/12/2011 đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà nội trở thành Công ty liên kết với tỷ lệ sở hữu và quyền kiểm soát của MHC là 40%.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty được lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính này được lập dựa trên hợp nhất số liệu Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con; và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cùng Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty TNHH Quản lý và kinh doanh Bất động sản Hà Nội cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/11/2011.

Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

4.1 UỐC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian dưới 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4.4 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty trích lập dự phòng tồn thất các khoản đầu tư tài chính và nợ phải thu khó đòi theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

4.5 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

4.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong năm tài chính có liên quan đến nhiều kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

4.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẨU HAO

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	14-25
Máy móc thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn sở hữu; lợi nhuận thuần được chia từ Công ty liên kết, liên doanh phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc.

4.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

4.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc đầu tư tài sản cố định trong quá trình đầu tư được vốn hóa vào giá trị tài sản hoặc công trình khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Các khoản chi phí đi vay khác phát sinh được phản ánh vào kết quả kinh doanh.

4.11 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4.12 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 15/10/2009 ("Thông tư 201") hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Trong năm 2011, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.
- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.
- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ phải trả dài hạn (trên 1 năm) nếu hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái làm cho kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau. Nhưng phải đảm bảo phần chênh lệch tỷ giá tính vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ đến hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

Thông tư 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ánh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Cụ thể theo quy định tại Chuẩn mực này tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

4.13 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có).

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của năm hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng là 25%.

Thu nhập chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định thu nhập chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo đơn vị kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội có các bộ phận quản lý theo đơn vị kinh doanh.

4.15 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	619.167.404	992.271.520
Tiền gửi ngân hàng	23.328.138.058	10.575.055.382
Các khoản tương đương tiền (*)	1.505.976.111	1.000.000.000
Cộng	25.453.281.573	12.567.326.902

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại Ngân hàng

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011 Số lượng	31/12/2011 Giá trị	01/01/2011 Số lượng	01/01/2011 Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		578.683.200		637.812.600
+ Cổ phiếu Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - sông Hinh	8.800	140.800.000	8.800	140.800.000
+ Cổ phiếu Tổng Công ty Bia rượu nước giải khát Sài Gòn	5.000	350.000.000	5.000	350.000.000
+ Cổ phiếu Công ty CP Giao nhận kho vận Ngoại thương (TMS)	3.012	87.883.200	5.052	147.012.600
Đầu tư ngắn hạn khác				6.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(74.319.200)		(31.680.000)
Cộng		504.364.000		7.106.132.600

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty Xây dựng Lũng Lô	31.407.307.919	31.407.307.919
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá	-	10.317.940.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải	-	3.412.500.000
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	339.476.051	1.766.047.811
Công nợ khó đòi chờ xử lý	1.315.608.380	1.315.608.380
Hàng tồn thất chờ xử lý	826.930.916	826.930.916
Công ty TNHH Vận chuyển K'Line Việt Nam	102.038.304	-
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	1.040.575.837	-
Phải thu của dịch vụ đại lý giao nhận	114.258.868	997.906.103
Chi phí thành lập công ty Wallem shipping	-	-
Phải thu khác	6.184.892.692	8.306.774.384
Cộng	41.331.088.967	58.351.015.513

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	255.945.756	154.042.591
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	255.945.756	154.042.591
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	255.945.756	154.042.591

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011 Số lượng	31/12/2011 Giá trị	01/01/2011 Số lượng	01/01/2011 Giá trị
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		89.218.671.867		65.479.841.925
- Công ty TNHH Hàng Hải Wallem (*)		1.720.535.105		1.737.249.241
- Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*)		69.143.513.572		63.635.510.684
- Công ty TNHH Vận chuyển "K" Line Việt Nam (***)		3.035.550.000		-
- Công ty TNHH Quản lý và KD Đầu tư BDS Hà Nội (**)		15.319.073.190		-
- Công ty TNHH LD Bond Việt Nam (**)				107.082.000
Đầu tư dài hạn khác		2.500.000.000		4.000.000.000
- Đầu tư cổ phiếu		2.500.000.000		2.500.000.000
Công ty CP Hải Minh	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
- Đầu tư dài hạn khác				1.500.000.000
Công ty CP Quản lý và Khai thác Tòa nhà VNPT	-	-	150.000	1.500.000.000
Cộng		91.718.671.867		69.479.841.925

(*) Các công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

(**): Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội được hợp nhất kết quả Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ 01/12/2011 đến 31/12/2011.

(***): Là Công ty Liên doanh của Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHÁT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2011	45.825.891.301	483.186.494	46.313.903.383	2.128.602.537	156.272.233	94.907.855.948
- Mua trong năm			847.272.727	32.899.999		880.172.726
- Tăng khác (*)	38.471.073.770	-	-	-	-	38.471.073.770
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(14.702.953.276)	-	-	(14.702.953.276)
- Giảm khác	(38.471.073.770)	(17.809.524)	(667.818.048)	(157.261.993)	-	(39.313.963.335)
31/12/2011	45.825.891.301	465.376.970	31.790.404.786	2.004.240.543	156.272.233	80.242.185.833
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUÝ KÉ						
01/01/2011	4.323.378.672	483.186.494	30.090.007.664	1.816.516.636	156.272.233	36.869.361.699
- Khäu hao trong năm	2.564.191.080	-	3.238.184.219	204.572.709	-	6.006.948.008
- Tăng khác (*)	1.410.606.043	-	-	-	-	1.410.606.043
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(11.277.196.644)	-	-	(11.277.196.644)
- Giảm khác	(1.326.837.866)	(17.809.524)	(253.753.212)	(157.261.993)	-	(1.755.662.595)
31/12/2011	6.971.337.929	465.376.970	21.797.242.027	1.863.827.352	156.272.233	31.254.056.511
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2011	41.502.512.629	-	16.223.895.719	312.085.901	-	58.038.494.249
31/12/2011	38.854.553.372	-	9.993.162.759	140.413.191	-	48.988.129.322

(*) : Là khoản điều chuyển với tòa nhà điều hành Bãi container Hải An tại Phường Đông Hải, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng tại Công ty TNHH Quản lý và kinh doanh Bất Động Sản Hà Nội theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 39/CPHH tại ngày 01/09/2011 (trước ngày thỏa thuận chuyển giao tỷ lệ sở hữu và quyền kiểm soát).

Nguyên giá tài sản có định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 là: 16.441.328.910 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2011 là:

41.641.073.770 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Là các vỏ Containers 40 và 20 feet đã được thanh lý trong năm 2011.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất dự án khu dân cư An Thới – BMT địa chỉ tại phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, thời hạn sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao cho tài sản cố định vô hình này.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tổng số chi phí XDCB dở dang	2.440.819.250	2.440.819.250
Trong đó: Những công trình lớn:		
+ Khảo sát Dự án Cảng Phù Đổng	500.000.000	500.000.000
+ Thiết kế đóng tàu mới	1.940.819.250	1.940.819.250

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí thuê sân Golf	516.993.400	540.891.400
Chi phí gia công nắp hầm sà lan	108.129.717	-
Chi phí trang trí nội thất văn phòng	67.356.531	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	120.128.584	456.285.550
Cộng	812.608.232	997.176.950

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế Giá trị gia tăng	199.139.121	60.523.093
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	96.075.665	436.188.430
Thuế Thu nhập cá nhân	318.377.414	159.945.118
Các loại thuế khác	14.501.589	479.847.755
Các khoản phải nộp khác	196.746.914	-
Cộng	824.840.703	1.136.504.396

16. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn	100.000.000	2.349.859.227
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	36.284.891.225	9.367.919.549
Cộng	36.384.891.225	11.717.778.776

Trong đó:

(*) Chi tiết khoản nợ dài hạn đến hạn trả và vay dài hạn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIÉP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN (TIÉP)

Vay dài hạn đến hạn trả và Vay dài hạn

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay USD	Số dư nợ gốc 31/12/2011 USD	Số dư nợ gốc phải trả năm tới USD	Phương thức đảm bảo khoản vay
01/2008/HDTD/M B-MHC	Ngân hàng TMCP Quân đội	7,3%/ năm	48 tháng	3.521.000.00	1.309.053.13	1.309.053.13	Tài sản thế chấp
Cộng				3.521.000.00	1.309.053.13	1.309.053.13	

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay VND	Số dư nợ gốc tại 31/12/2011 VND	Số dư nợ gốc phải trả năm tới VND	Phương thức đảm bảo khoản vay
1200-LAV- 200900722	Sở giao dịch NHNN và PT Nông Thôn	Lãi suất thả nổi	60 tháng	9.619.450.000	1.607.132.633	1.607.132.633	Tài sản thế chấp
1401-LAV- 201100525 (*)	NHNN&PTNT Chi nhánh Bách Khoa - Phòng giao dịch Kim Liên	Lãi suất thả nổi	27 tháng	21.000.000.000	21.000.000.000	7.000.000.000	Tài sản thế chấp
11.2009/HDTD/T H-PN/TCB HP-	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng	Lãi suất thả nổi	48 tháng	770.000.000	370.000.000	192.000.000	Thế chấp tài sản
98.10.251.641356.	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội chi nhánh Hải Phòng (MB)	Lãi suất thả nổi	36 tháng	350.000.000	163.800.000	117.600.000	Thế chấp tài sản
131.10.251.641356	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội chi nhánh Hải Phòng (MB)	Lãi suất thả nổi	36 tháng	311.000.000	156.200.000	103.200.000	Thế chấp tài sản
Cộng				32.050.450.000	23.297.132.633	9.019.932.633	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Trích trước chi phí bảo hiểm tàu	-	475.655.263
Chi phí lãi vay	7.737.813.396	5.916.177.789
Chi phí vật tư tàu	235.231.080	486.165.509
Phí cảng và phí quản lý	5.021.013.947	5.973.387.031
Chi phí sửa chữa tàu	-	5.434.629.576
Chi phí môi giới	-	22.890.089
Chi phí vận chuyển, sửa chữa, kiểm đếm	993.104.364	1.529.480.578
Chi phí phải trả khác	1.527.538.562	1.052.266.464
Cộng	15.514.701.349	20.890.652.299

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	58.356.701	18.902.180
Bảo hiểm xã hội	15.699.200	265.272.418
Bảo hiểm y tế	23.121.879	73.660.131
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	42.989.392	51.848.232
Phải trả của dịch vụ đại lý giao nhận vận tải	9.960.887.423	12.417.260.771
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	750.530.000
Công nợ khó đòi chờ xử lý	1.330.893.473	-
Bà Ngô Thị Loan	-	750.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.181.368.235	1.775.944.841
Cộng	24.613.316.303	16.103.418.573

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay dài hạn (*)	14.277.200.000	55.780.976.934
- Vay ngân hàng	14.277.200.000	55.780.976.934
Nợ dài hạn	-	418.539.569
- Thuê tài chính	-	418.539.569
Cộng	14.277.200.000	56.199.516.503

(*): Xem thuyết minh số 16

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	135.555.140.000	135.555.140.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	135.555.140.000	135.555.140.000

20.2 CỔ PHIẾU

	31/12/2011 CP	01/01/2011 CP
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	13.555.634	13.555.634
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.555.514	13.555.514
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	13.555.514	13.555.514
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	120	120
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	120	120
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.555.394	13.555.394
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	13.555.394	13.555.394
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/CP

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI

Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20.3 BẢNG ĐÓI CHIỀU BIÊN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2010	135.555.140.000	24.001.910.000	(1.200.000)	(3.289.472.741)	2.365.477.900	6.346.747.810	(32.422.542.778)	132.556.060.191
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	49.557.693	49.557.693
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	381.579.246	381.579.246
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	1.053.738.311	-	-	-	1.053.738.311
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(43.819.344.141)	(43.819.344.141)
- Điều chỉnh do hợp nhất	-	6.054.567.155	-	(12.670.619)	-	-	(380.341.818)	5.661.554.718
31/12/2010	<u>135.555.140.000</u>	<u>30.056.477.155</u>	<u>(1.200.000)</u>	<u>(2.248.405.049)</u>	<u>2.365.477.900</u>	<u>6.346.747.810</u>	<u>(76.191.091.798)</u>	<u>95.883.146.018</u>
01/01/2011	135.555.140.000	30.056.477.155	(1.200.000)	(2.248.405.049)	2.365.477.900	6.346.747.810	(76.191.091.798)	95.883.146.018
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	108.332.195	108.332.195
- Điều chỉnh do hợp nhất	-	(138.217.681)	-	(195.355.454)	(248.248.571)	(67.375.473)	(1.242.813.328)	(1.892.010.507)
- Tăng khác	-	-	-	2.421.220.832	470.769.120	127.768.277	-	3.019.758.229
31/12/2011	<u>135.555.140.000</u>	<u>29.918.259.474</u>	<u>(1.200.000)</u>	<u>(22.539.671)</u>	<u>2.587.998.449</u>	<u>6.407.140.614</u>	<u>(77.325.572.931)</u>	<u>97.119.225.935</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	126.290.628.139	130.683.346.736
Trong đó:		
+ Doanh thu vận tải	110.049.883.340	95.763.034.045
+ Doanh thu cung ứng dịch vụ hàng hải	4.633.757.868	5.573.554.644
+ Doanh thu bán tàu		4.000.000.000
+ Doanh thu lưu kho bãi	372.829.092	1.696.677.364
+ Doanh thu hoạt động quản lý	9.019.069.372	5.217.080.891
+ Doanh thu dịch vụ khác	2.215.088.467	18.432.999.792

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn vận tải	90.534.803.498	97.679.283.928
Giá vốn cung ứng dịch vụ hàng hải	3.795.567.629	-
Giá vốn lưu kho bãi	298.263.282	1.539.815.760
Giá vốn hoạt động quản lý	5.997.720.792	3.248.098.870
Giá vốn dịch vụ khác	3.069.027.596	39.591.480.676
Cộng	103.695.382.797	142.058.679.234

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.418.190.401	411.259.163
Lãi do chuyển nhượng vốn góp đầu tư	593.615.437	20.680.652.048
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.300.000.000	3.600.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	403.126.100	210.475.795
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.716.537.452	1.627.742.326
Doanh thu hoạt động tài chính khác	268.311.683	32.403.324
Cộng	8.699.781.073	26.562.532.656

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí lãi vay	7.180.867.476	7.688.185.437
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	56.500.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.992.792.644	6.001.689.281
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.536.495.733	1.064.043.385
Dự phòng giám giá các khoản đầu tư ngắn hạn	43.372.680	31.680.000
Chi phí tài chính khác	15.000.000	4.462.696.518
Cộng	17.768.528.533	19.304.794.621

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Nhượng bán tài sản cố định	12.458.318.181	145.858.380.526
Thu nhập do khách hàng xóa nợ	522.811.616	-
Chênh lệch góp vốn bằng tài sản	-	10.053.655.430
Thu nhập khác	293.152.052	82.949.644
Cộng	13.274.281.849	155.994.985.600

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nhượng bán tài sản	3.986.995.523	167.084.325.134
Chi phí tàu Ocean Asia và Achiever	5.724.134.271	-
Chi phí khác	248.365.906	25.524.002
Cộng	9.959.495.700	167.109.849.136

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	108.332.195	(43.819.344.141)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	108.332.195	(43.819.344.141)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	13.555.394	13.555.394
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8	(3.233)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Chỉ tiêu	Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội	Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Công ty TNHH Quản lý và KD Đầu tư BDS Hà Nội	Công ty TNHH Hàng hải Hà Nội Phía Nam	Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng hải Hải Phòng	Loại trừ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND		
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.399.048.900	25.226.402.146	8.594.491.402	45.135.770.581	45.934.915.110	-	126.290.628.139
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	9.284.756.738	620.455	579.715.619	104.455.999	77.897.325	(10.047.446.136)	-
3. Khấu hao và chi phí phân bổ	1.556.039.125	296.804.589	1.180.460.047	912.843.564	2.119.963.258		6.066.110.583
- Chi phí khấu hao	1.664.764.658	296.804.589	1.109.663.481	912.843.564	2.022.871.716		6.006.948.008
- Chi phí trả trước dài hạn phân bổ	(108.725.533)	-	70.796.566	-	97.091.542		59.162.575
4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(8.677.154.862)	2.546.234.452	(2.117.727.284)	(1.771.545.991)	2.116.735.019	-	(7.903.458.666)
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định	-	880.172.726	-	-	-		880.172.726
6. Tài sản bộ phận	185.990.913.058	28.809.823.761	-	15.231.831.296	18.958.645.157		248.991.213.272
7. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-		-
Tổng tài sản	-	-	-	-	-		248.991.213.272
8. Nợ phải trả bộ phận	112.123.382.248	18.277.043.983	-	3.747.935.733	9.648.238.797	-	143.796.600.761
9. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-		-
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-		143.796.600.761

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN

29.1 GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vay vốn	-	1.321.320.666
- Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	1.321.320.666
Trả vốn vay	-	7.821.320.666
- Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	7.821.320.666

29.2 SỐ ĐƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu khác	-	663.629.654
Công ty TNHH Quản lý và KD ĐT Bất động sản Hà Nội	-	663.629.654
Phải trả người bán	16.129.625.266	2.343.970.086
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	12.385.015
Công ty TNHH Quản lý và KD ĐT Bất động sản Hà Nội	14.731.681.771	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	1.397.943.495	2.331.585.071

30. THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch chứng khoán

Ngày 07/04/2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hàng Hải Hà Nội (MHC) bị tạm ngừng giao dịch do lỗ 2 năm liên tiếp. Tuy nhiên đến ngày 22/04/2011, Tổng Giám đốc Sàn Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh đã ký quyết định đưa cổ phiếu của Công ty ra khỏi diện tạm ngừng giao dịch và cho phép cổ phiếu MHC được giao dịch trở lại theo diện chứng khoán bị kiểm soát.

Cam kết về việc bán tài sản có giá trị lớn chưa thực hiện

Theo Quyết định số 638/QĐ-UBND của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ngày 09/05/2011 Về việc phê duyệt giá trị còn lại của tài sản đã đầu tư trên đất dự án Bến số 2 - Cảng tổng hợp Dung Quất, tổng diện tích đất bị thu hồi là 95.727 m2, tổng giá trị còn lại của tài sản đã đầu tư trên đất là 54.069.279.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tư tỷ, không trăm sáu mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn./.).

Công ty đã thực hiện ký hợp đồng kinh tế số 08/2011-HDKT /MHC-DQS ngày 28/11/2011 với Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất về việc chuyển trả chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà nội đối với dự án Bến số 2 - Cảng tổng hợp Dung Quất tại Bình Thuận - Bình Sơn - Quảng Ngãi với giá trị cả thuế VAT là 56.755.673.750 đồng (Bằng chữ : Năm mươi sáu tỷ, bảy trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng chẵn./.).

Đến 31/12/2011 Cty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất đã tạm ứng cho Công ty Cổ phần Hàng Hải Việt Nam 10% giá trị hợp đồng với số tiền 5.675.567.375 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã
được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2012

Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thị Lan Anh



Nguyễn Quốc Dũng

PHỤ LỤC SỐ 02

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI

PHỤ LỤC 02: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY

